

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155 A /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN CẨM THỦY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Quỳnh; bà Nguyễn Thị Tiếp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chữ – Thư ký TAND Huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện C tham gia phiên tòa:

Bà: Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 06 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX- ST, ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ch - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Vân L (nay là Vân Ng), xã Cẩm L, Huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công H - sinh năm 1984

NƠ ĐKKHKT: Thôn Vân Long (nay là Vân Ngọc), xã Cẩm Long, Huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang tạm trú tại: 5/9 Phạm Văn S, Ấp 2 Xuân Th, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/05/2020 và bản tự khai nguyên đơn, chị Bùi Thị Ch trình bày: Chị và anh H lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2013 tại UBND xã Lộc Bôn, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 07/2014 chị sinh con, quá trình

chung sống với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh H công việc không ổn định, nhưng lại thường xuyên rượu chè, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh H không có thay đổi, nên vợ chồng đã có một thời gian sống ly thân, đến tháng 3/2020 vợ chồng chuyển khẩu về xã Cẩm L, huyện C sinh sống, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, anh H bỏ đi vào Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân tại Công ty TNHH Cao Su Kỹ thuật tiên bộ tại địa chỉ 5/9 Phạm Văn S, Ấp 2 Xuân Th, Quận H, Thành Phố Hồ Chí Minh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân Hện C giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Thị Tuệ L, sinh ngày 12/07/2014. Hiện nay cháu đang ở với chị, Nay chị đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Li đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Công H tại bản tự khai ngày 20/8/2020, tại TAND Huyện H, thành Phố Hồ Chí Minh thực hiện việc thu thập chứng cứ trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Ch, anh thống nhất như chị Ch đã trình bày là đúng thực tế. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 sau đó vợ chồng sống ly thân, đến tháng 2/2020 vợ chồng hòa hợp nên anh chị về quê vợ tại xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa sinh sống nhưng vẫn không cải thiện tình cảm nên anh vào huyện H, thành Phố Hồ chí Minh làm công nhân. Nay chị Ch làm đơn ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Thị Tuệ L, sinh ngày 12/07/2014. Hiện nay cháu đang ở với chị Ch, Nay anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu L đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì anh xét thấy chị Ch không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Ch giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. bị đơn có đơn xin không tiến hành hòa giải và xin được xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Chủ tọa cho công bố lời khai, đơn xin xử vắng mặt của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về hôn nhân: Xử cho chị Ch được ly hôn anh H.

Về con chung: Giao cháu Tuệ L là con chung của vợ chồng cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Ch là người dân tộc sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nhưng không có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, chị vẫn chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu và nơi cư trú tại Hện C, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân Hện C thụ lý đơn khởi kiện của chị Ch là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn chị Ch làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn, anh H. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án do anh H đi làm ở huyện H, Tòa án ra Quyết định ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Ch và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc B, huyện Phú L, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh không chịu khó làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng đã có một thời gian sống ly thân. Sau đó vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Nay chị Ch xin ly hôn, anh H nhất trí.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhau. Căn cứ vào Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Ch được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Thị Tuệ L, sinh ngày 12/07/2014, chị Ch, anh H đều có nguyện vọng được nuôi con, không bên nào yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy. Nguyện vọng nuôi con của hai bên là phù hợp, anh H đang đi làm Công nhân, chưa có nơi ở ổn định, chị Ch cũng đi làm Công nhân, có thu nhập và có nơi ở ổn định (gia đình chị có hai chị em gái, chị ở chung với bố mẹ) cháu Tuệ L đang do chị nuôi dưỡng. Vì vậy, giao con chung cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Ch không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Ch và anh H không có tài sản công nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Ch thuộc đối tượng người dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn, chị đã được giải thích nhưng không có đơn xin miễn án phí nên chị vẫn phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ch được ly hôn anh Nguyễn Công H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Thị Tuệ L, sinh ngày 12/07/2014. Nay ly hôn giao cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản: Không có.

Về án phí: Chị Ch phải nộp 300.000đ tiền án phí DSST, chị được trừ vào biên biên lai thu tiền số AA/2019/0003289, ngày 02/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS Huyện C.
- UBND xã Cẩm L.
- UBND Lộc Bồn, huyện Phú L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã Ký

Vũ Văn nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Quỳnh

Vũ Văn Nga

Nguyễn Thị Tiếp

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND Hện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS Hện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Long.
- UBND Lộc Bồn, Hện, Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Quỳnh

Vũ Văn Nga

Nguyễn Thị Tiếp

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND Hện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS Hện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Long.
- UBND Lộc Bồn, Hện, Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Trường

Vũ Văn Nga

Triệu Thị Tình

